



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH
GIÁO DỤC TẠI TP HỒ CHÍ MINH**
Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

MỤC LỤC

Trang

Báo cáo của Chủ tịch Hội đồng quản trị	1 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Báo cáo tài chính hợp nhất	
• Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 7
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9
• Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 40

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 460/QĐ-TC ngày 07/04/2004 của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (nay là Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam). Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 4103002336 ngày 20/05/2004. Từ ngày thành lập đến nay, Công ty đã 15 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 14/07/2020 với mã số doanh nghiệp là 0303280405. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý có liên quan.

Vốn điều lệ: 41.370.000.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến ngày 31/12/2022 của Công ty là 41.370.000.000 đồng, trong đó phần vốn góp của Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam chiếm 15,63% vốn điều lệ.

Công ty đã niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) kể từ ngày 29/11/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 48/TTGDHN – ĐKGD ngày 29/11/2006 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán SGD.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 363 Hưng Phú, Phường 9, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại: (84) 028.39540600
- Fax: (84) 028.39540598
- Website: www.sgd.edu.vn

Ngành nghề kinh doanh

- Xuất bản sách. Chi tiết: In và mua bán các loại sách xuất bản của Nhà Xuất bản Giáo dục theo quy định của Nhà Xuất bản Giáo dục; mua bán văn hóa phẩm, ấn phẩm của các Nhà Xuất bản khác;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Mua bán thiết bị giáo dục, đồ dùng dạy học, thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Kinh doanh quán ăn uống bình dân (không hoạt động tại trụ sở);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (thực hiện theo Khoản 1 Điều 10 Luật kinh doanh bất động sản);
- Giáo dục nhà trẻ;
- Giáo dục mẫu giáo;
- Giáo dục tiểu học;
- Giáo dục trung học cơ sở;
- Giáo dục trung học phổ thông;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Xuất nhập khẩu hàng hóa có liên quan đến ngành nghề, phạm vi kinh doanh của công ty;

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất tập học sinh (không tái chế phế thải, sản xuất bột giấy tại trụ sở);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn máy lọc nước;
- Đào tạo sơ cấp. Chi tiết: Dạy nghề;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Bán buôn vật tư, nguyên liệu ngành xăng dầu. Bán buôn thiết bị, vật tư phục vụ cho lắp đặt hệ thống pin năng lượng mặt trời;
- Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa. Chi tiết: Đại lý kinh doanh xăng dầu;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: Bán buôn phương tiện vận tải và phụ tùng;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển. Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng;
- Lắp đặt hệ thống điện (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. Chi tiết: Lắp đặt thiết bị sử dụng năng lượng mặt trời;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: Trang trí nội ngoại thất công trình;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan (trừ kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng LPG và dầu nhớt cặn);
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ thiết bị, vật tư phục vụ cho lắp đặt hệ thống pin năng lượng mặt trời;
- Sản xuất điện. Chi tiết: Sản xuất điện gió, điện mặt trời (trừ truyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia và quản lý lưới điện phân phối, thủy điện đa mục tiêu, điện hạt nhân);
- Truyền tải và phân phối điện. Chi tiết: Bán điện năng lượng mặt trời (doanh nghiệp không cung cấp hàng hóa, dịch vụ thuộc độc quyền nhà nước, không hoạt động thương mại theo ND 94/2017/NĐ-CP về hàng hóa, dịch vụ độc quyền Nhà nước).

Nhân sự

Tổng số công nhân viên đến cuối niên độ kế toán là 24 người. Trong đó nhân viên quản lý là 3 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong niên độ kế toán và đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|------------------------|----------|------------------------------|
| • Ông Ngô Trọng Vinh | Chủ tịch | Bổ nhiệm lại ngày 07/03/2019 |
| • Ông Nguyễn Trọng Hà | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 07/03/2019 |
| • Bà Lâm Quỳnh Hương | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 07/03/2019 |
| • Ông Ngô Anh Phương | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 07/03/2019 |
| • Bà Lê Thị Tuyết Minh | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 07/03/2019 |

Ban Kiểm soát

- | | | |
|--------------------------|------------|------------------------------|
| • Bà Ngô Thị Thanh Huyền | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 07/03/2019 |
| • Bà Đỗ Thị Phương Thảo | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 07/03/2019 |
| • Bà Nguyễn Thị Ánh Hồng | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 07/03/2019 |

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | | |
|----------------------------|-------------------|------------------------------|
| • Ông Ngô Trọng Vinh | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 08/03/2014 |
| • Bà Mai Hồng Hạnh | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 17/02/2022 |
| | | Miễn nhiệm ngày 11/05/2022 |
| • Ông Nguyễn Ái Bình | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 15/08/2019 |
| | | Miễn nhiệm ngày 20/01/2022 |
| • Bà Nguyễn Thị Lan Phương | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm lại ngày 08/03/2014 |
| | | Miễn nhiệm ngày 25/04/2022 |
| • Bà Nguyễn Thị Tuyết | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm ngày 16/05/2022 |

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính hợp nhất này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng quản trị trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất

Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở:

- Tuân thủ các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại thời điểm 31/12/2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ngô Trọng Vinh

Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 03 năm 2023



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN - KẾ TOÁN - TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: <http://www.aac.com.vn>

Số: 338/2023/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là "Công ty") lập ngày 17/03/2023 từ trang 6 đến trang 40, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng quản trị

Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Chủ tịch Hội đồng quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31/12/2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 5 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính, Công ty đã điều chỉnh hồi tố một số dữ liệu trên Báo cáo tài chính để sửa chữa sai sót về thuế của những năm trước.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC



A blue ink signature of Đỗ Thị Thanh Vân, the auditor.

Trần Thị Phương Lan – Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0396-2023-010-1
Đà Nẵng, ngày 17 tháng 03 năm 2023

Đỗ Thị Thanh Vân – Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1483-2023-010-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 01 – DN/HN
Ban hành theo Thông tư
số 202/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		58.687.059.889	83.973.940.829
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	4.582.926.480	9.705.138.430
1. Tiền	111		4.582.926.480	9.705.138.430
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.006.973.250	4.154.644.442
1. Chứng khoán kinh doanh	121	7.a	2.211.196.821	4.229.511.016
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	7.a	(1.204.223.571)	(74.866.574)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		14.402.868.587	16.677.756.640
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	10.305.290.735	16.134.991.248
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	9	871.425.862	530.877.786
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	10	4.000.000.000	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	11	909.387.895	1.241.229.862
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	12	(1.683.235.905)	(1.229.342.256)
IV. Hàng tồn kho	140	13	38.656.206.256	53.378.649.123
1. Hàng tồn kho	141		39.065.417.028	53.702.110.359
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(409.210.772)	(323.461.236)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		38.085.316	57.752.194
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	14.a	27.707.730	16.021.249
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	9.444.728
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15	10.377.586	32.286.217
B. TÀI SẢN DÀI HẠN			39.621.881.604	40.533.211.868
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		13.096.167.355	25.857.122.014
1. Tài sản cố định hữu hình	221	16	6.587.732.706	19.388.965.142
- Nguyên giá	222		16.553.624.732	29.079.124.862
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(9.965.892.026)	(9.690.159.720)
2. Tài sản cố định vô hình	227	17	6.508.434.649	6.468.156.872
- Nguyên giá	228		6.595.856.872	6.545.856.872
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(87.422.223)	(77.700.000)
III. Bất động sản đầu tư	230	18	11.754.790.671	-
- Nguyên giá	231		12.292.528.563	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(537.737.892)	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		8.483.303.281	8.055.934.273
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	7.b	8.483.303.281	6.055.934.273
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	7.c	-	2.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		6.287.620.297	6.620.155.581
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14.b	5.873.424.951	6.074.086.874
2. Lợi thế thương mại	269		414.195.346	546.068.707
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		98.308.941.493	124.507.152.697

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
Ngày 31 tháng 12 năm 2022

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
C. Nợ phải trả	300		37.013.119.781	59.183.325.374
I. Nợ ngắn hạn	310		29.159.747.061	50.296.461.742
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	19	19.698.184.132	28.702.412.023
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	20	2.381.149.135	10.065.920.957
3. Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước	313	15	1.066.985.533	772.554.760
4. Phải trả người lao động	314		647.371.621	2.381.441.619
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	21	654.640.633	1.085.807.527
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	22.a	743.283.171	213.157.420
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	23.a	4.211.957.912	7.318.992.512
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		(243.825.076)	(243.825.076)
II Nợ dài hạn	330		7.853.372.720	8.886.863.632
1. Phải trả dài hạn khác	337	22.b	-	20.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	23.b	7.853.372.720	8.866.863.632
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		61.295.821.712	65.323.827.323
I. Vốn chủ sở hữu	410		61.295.821.712	65.323.827.323
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	24	41.370.000.000	41.370.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		41.370.000.000	41.370.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	24	2.249.408.656	2.248.359.370
3. Cổ phiếu quỹ	415	24	(679.873.904)	(679.873.904)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418	24	5.190.375.785	5.189.073.577
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	24	1.902.649.809	5.794.893.138
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	24	1.911.192.071	4.007.594.507
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(8.542.262)	1.787.298.631
6. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		11.263.261.367	11.401.375.142
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		98.308.941.493	124.507.152.697



Chủ tịch Hội đồng quản trị

Kế toán trưởng

Người lập biểu

Ngô Trọng Vinh

Nguyễn Thị Tuyết

Nguyễn Thị Tuyết

Hồ Chí Minh, ngày xx tháng 03 năm 2023

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Mẫu số B 02 – DN/HN
Ban hành theo Thông tư
số 202/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
1. Doanh thu bán hàng và c.cấp dịch vụ	01	25	212.802.736.172	151.458.346.599
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	26	1.595.745.159	1.743.973.777
3. Doanh thu thuần về bán hàng và CC dịch vụ	10		211.206.991.013	149.714.372.822
4. Giá vốn hàng bán	11	27	194.541.234.878	133.420.026.739
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và CC dịch vụ	20		<u>16.665.756.135</u>	<u>16.294.346.083</u>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	3.213.497.276	1.770.976.726
7. Chi phí tài chính	22	29	2.927.402.180	728.607.366
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.736.017.237	1.509.247.129
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		477.369.008	578.772.159
9. Chi phí bán hàng	25	30.a	7.407.106.285	9.032.417.610
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30.b	7.371.913.948	6.657.963.677
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		<u>2.650.200.006</u>	<u>2.225.106.315</u>
12. Thu nhập khác	31	31	417.311.734	714.181.743
13. Chi phí khác	32	32	663.963.141	115.345.891
14. Lợi nhuận khác	40		<u>(246.651.407)</u>	<u>598.835.852</u>
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		<u>2.403.548.599</u>	<u>2.823.942.167</u>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33	984.469.810	455.259.995
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	(3.197.304)
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		<u>1.419.078.789</u>	<u>2.371.879.476</u>
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	61		159.298.933	1.787.298.631
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		1.259.779.856	584.580.845
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	34	39	442
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	34	39	442



Chủ tịch Hội đồng quản trị

Kế toán trưởng

Người lập biểu

Ngô Trọng Vinh

Nguyễn Thị Tuyết

Nguyễn Thị Tuyết

Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Mẫu số B 03 – DN/HN
Ban hành theo Thông tư
số 202/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	2.403.548.599	2.823.942.167
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ, BĐSĐT, phân bổ lợi thế thương mại và chi phí thuê đất	02	1.369.332.291	1.257.197.978
- Các khoản dự phòng	03	1.669.000.182	(949.502.371)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(2.429.811.635)	(1.594.786.862)
- Chi phí lãi vay	06	1.736.017.237	1.509.247.129
3. Lợi nhuận từ hđ kd trước thay đổi vốn lưu động	08	4.748.086.674	3.046.098.041
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	6.072.347.763	(1.123.436.664)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	14.636.693.331	(25.227.248.545)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(18.438.769.725)	15.079.058.711
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	63.054.450	(48.483.725)
- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13	2.018.314.195	1.257.032.076
- Tiền lãi vay đã trả	14	(1.736.258.191)	(1.508.847.485)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.034.880.312)	(338.955.521)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	2.980.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	6.328.588.185	(8.861.803.112)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(105.373.950)	(1.389.127.048)
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22	-	45.454.545
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(4.000.000.000)	(6.250.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	-	13.700.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(2.050.000.000)	(500.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	2.400.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.432.442.627	985.294.114
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(2.322.931.323)	6.591.621.611
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	341.330.000	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	25.323.283.000	36.554.531.059
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(29.443.808.512)	(34.270.248.456)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(5.348.673.300)	(4.770.256.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(9.127.868.812)	(2.485.973.397)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(5.122.211.950)	(4.756.154.898)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	9.705.138.430	14.461.293.328
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	4.582.926.480	9.705.138.430



Chủ tịch Hội đồng quản trị

Kế toán trưởng

Người lập biểu

Ngô Trọng Vinh

Nguyễn Thị Tuyết

Nguyễn Thị Tuyết

Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 03 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc
đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Mẫu số B 09 – DN/HN
Ban hành theo Thông tư
số 202/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 460/QĐ-TC ngày 07/04/2004 của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (nay là Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam). Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 4103002336 ngày 20/05/2004. Từ ngày thành lập đến nay, Công ty đã 15 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 14/07/2020 với mã số doanh nghiệp là 0303280405. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty đã niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) kể từ ngày 29/11/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 48/TTGDHN – ĐKGD ngày 29/11/2006 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán SGD.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Sản xuất và thương mại.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Xuất bản sách. Chi tiết: In và mua bán các loại sách xuất bản của Nhà Xuất bản Giáo dục theo quy định của Nhà Xuất bản Giáo dục; mua bán văn hóa phẩm, ấn phẩm của các Nhà Xuất bản khác;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Mua bán thiết bị giáo dục, đồ dùng dạy học, thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Kinh doanh quán ăn uống bình dân (không hoạt động tại trụ sở);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (thực hiện theo Khoản 1 Điều 10 Luật kinh doanh bất động sản);
- Giáo dục nhà trẻ;
- Giáo dục mẫu giáo;
- Giáo dục tiểu học;
- Giáo dục trung học cơ sở
- Giáo dục trung học phổ thông;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Xuất nhập khẩu hàng hóa có liên quan đến ngành nghề, phạm vi kinh doanh của công ty;
- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất tập học sinh (không tái chế phế thải, sản xuất bột giấy tại trụ sở);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn máy lọc nước;
- Đào tạo sơ cấp. Chi tiết: Dạy nghề;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Bán buôn vật tư, nguyên liệu ngành xăng dầu. Bán buôn thiết bị, vật tư phục vụ cho lắp đặt hệ thống pin năng lượng mặt trời;
- Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa. Chi tiết: Đại lý kinh doanh xăng dầu;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: Bán buôn phương tiện vận tải và phụ tùng;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển. Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng;
- Lắp đặt hệ thống điện (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. Chi tiết: Lắp đặt thiết bị sử dụng năng lượng mặt trời;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: Trang trí nội ngoại thất công trình;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan (trừ kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng LPG và dầu nhớt cặn);
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ thiết bị, vật tư phục vụ cho lắp đặt hệ thống pin năng lượng mặt trời;
- Sản xuất điện. Chi tiết: Sản xuất điện gió, điện mặt trời (trừ truyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia và quản lý lưới điện phân phối, thủy điện đa mục tiêu, điện hạt nhân);
- Truyền tải và phân phối điện. Chi tiết: Bán điện năng lượng mặt trời (doanh nghiệp không cung cấp hàng hóa, dịch vụ thuộc độc quyền nhà nước, không hoạt động thương mại theo NĐ 94/2017/NĐ-CP về hàng hóa, dịch vụ độc quyền Nhà nước).

1.4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2022, Công ty có 2 công ty con và 2 công ty liên kết:

- Các công ty con
 - ✓ Công ty CP Sách - Thiết bị Vĩnh Long
Địa chỉ: Số 23 đường Lê Văn Tám, Phường 1, Thành phố Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long
Ngành nghề kinh doanh chính: Phát hành các loại sách dùng trong nhà trường, phân phối cung ứng các loại thiết bị trường học.
Tỷ lệ sở hữu: 80,99%
 - ✓ Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Đồng Nai
Địa chỉ: Số 10 Võ Thị Sáu, Phường Quyết Thắng, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
Ngành nghề kinh doanh chính: Mua bán sách giáo khoa, sách bài tập, sách tham khảo, các loại ấn phẩm, cung ứng thiết bị trường học.
Tỷ lệ sở hữu: 55,99%
- Các công ty liên kết
 - ✓ Công ty CP Năng lượng EBS Solar Việt Nam
Địa chỉ: Nhà D tầng 2, khu văn phòng Vinaconex 1, 289 A Khuất Duy Tiến, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.
Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất điện.
Tỷ lệ sở hữu: 25%
 - ✓ Công ty CP Đầu tư Giáo dục Lê Thanh. Đây là doanh nghiệp do Công ty con (Công ty CP Sách và Thiết bị Vĩnh Long) sở hữu 49% vốn góp.
Địa chỉ: Lầu 1, số 64 đường Lê Văn Tám, Phường 1, Thành phố Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành.

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo quy định của Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Các nguyên tắc và phương pháp lập báo cáo tài chính hợp nhất

Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con.

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp do Công ty kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của công ty này. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày Công ty bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán. Các bút toán điều chỉnh được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các công ty trong cùng Công ty.

Các số dư, giao dịch nội bộ và các khoản lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ giữa các công ty với nhau bị loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày thành một chi tiêu riêng biệt thuộc phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Giá trị lợi ích cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của các Công ty con hợp nhất, gồm: Lợi ích cổ đông không kiểm soát tại ngày mua được xác định

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

theo giá trị hợp lý tài sản thuần của công ty con tại ngày mua; lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua đến đầu kỳ báo cáo và lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu phát sinh trong kỳ báo cáo. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty, được xác định căn cứ vào tỷ lệ lợi ích cổ đông không kiểm soát và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của các công ty con và được trình bày là một chỉ tiêu riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.3 Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm: giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Khoản cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán nếu có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán Công ty đang nắm giữ bị giảm so với giá trị ghi sổ.

Các khoản cho vay

Các khoản phải thu về cho vay được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối niên độ kế toán đối với các khoản cho vay đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Đầu tư vào công ty liên kết

Các công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần lãi và lỗ của Công ty trong công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Nếu phần lợi ích của Công ty trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị ghi sổ của khoản đầu tư bị giảm tới không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai, trừ khi Công ty có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Dự phòng

Dự phòng đối với các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu.
- Trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào khoản lỗ của bên nhận đầu tư.

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tồn thất được trích lập căn cứ vào Báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở Báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

4.4 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: Phải thu khách hàng và phải thu khác.

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản nợ đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá gốc được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

4.6 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 40
Máy móc, thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 10
Tài sản cố định khác	4

4.7 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Quyền sử dụng đất

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn);
- Tiền thuê đất trả trước (đã trả cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm) cho hợp đồng thuê đất trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Quyền sử dụng đất không thời hạn thì không thực hiện khấu hao.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

Thời gian khấu hao tài sản cố định vô hình tại Công ty cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phần mềm máy tính	3

4.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty:

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 năm đến 3 năm.
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.9 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: Phải trả người bán và phải trả khác.

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.10 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.11 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

4.12 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu; Chênh lệch giữa giá tái phát hành với giá trị sổ sách, chi phí trực tiếp liên quan đến tái phát hành cổ phiếu quỹ; Cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đến hạn.

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ là khoản tiền phải trả để mua lại cổ phiếu do Công ty đã phát hành và các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua lại này.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.13 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.14 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc kỳ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của kỳ sau.

4.15 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ cung cấp được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.16 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: Chi phí lãi vay, chiết khấu thanh toán cho người mua, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.17 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.18 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

4.19 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, các khoản vay, chi phí phải trả và phải trả khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.20 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế giá trị gia tăng:
 - ✓ Sách giáo khoa, sách tham khảo hỗ trợ cho sách giáo khoa, giáo trình: Thuộc đối tượng không chịu thuế.
 - ✓ Các loại từ điển và các loại sách tham khảo không thuộc loại hỗ trợ sách giáo khoa: Áp dụng thuế suất 5%.
 - ✓ Các hoạt động khác áp dụng theo thuế suất quy định hiện hành.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.21 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Điều chỉnh hồi tố

Theo Biên bản kiểm tra ngày 14/12/2022 và Quyết định số 4180/QĐ-CT ngày 29/12/2022 của Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh, số thuế TNDN truy thu là 528.705.174 đồng (Năm 2017: 145.681.205 đồng; Năm 2018: 332.914.914 đồng; Năm 2019: 50.109.055 đồng); số thuế GTGT truy thu là 90.177.329 đồng (Năm 2017: 87.257.102 đồng; Năm 2018: 491.436 đồng; Năm 2019: 2.428.791 đồng); số tiền phạt do kê khai sai là 123.776.501 (Năm 2017: 46.587.661 đồng; Năm 2018: 66.681.270 đồng; Năm 2019: 10.507.569 đồng). Do vậy, Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố các khoản thuế truy thu và tiền phạt vào đúng năm phát sinh. Theo đó, một số khoản mục trên các Báo cáo tài chính của các năm 2017, 2018, 2019, 2020 và 2021 đã được điều chỉnh lại.

Năm 2017

Bảng cân đối kế toán	Mã số	Số liệu tại ngày 01/01/2018	Số liệu tại ngày	Chênh lệch
			01/01/2018 (Đã hồi tố)	
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	107.654.372	20.397.270	(87.257.102)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	288.038.564	480.307.430	192.268.866
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	9.344.823.773	9.065.297.805	(279.525.968)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	Mã số	Số liệu năm 2017	Số liệu năm 2017 (Đã hồi tố)	Chênh lệch
Chi phí khác	32	156.063.117	289.907.880	133.844.763
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	6.969.883.976	6.836.039.213	(133.844.763)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	1.253.485.747	1.399.166.952	145.681.205
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	5.716.398.229	5.436.872.261	(279.525.968)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	61	4.783.967.014	4.504.441.046	(279.525.968)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	1.178	1.109	(69)
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	1.178	1.109	(69)

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	Mã số	Số liệu năm 2017	Số liệu năm 2017 (Đã hồi tố)	Chênh lệch
Lợi nhuận trước thuế	01	6.969.883.976	6.836.039.213	(133.844.763)
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(5.611.936.290)	(5.524.679.188)	87.257.102
Tăng, giảm các khoản phải trả	11	6.647.320.097	6.693.907.758	46.587.661

Năm 2018

Bảng cân đối kế toán	Mã số	Số liệu tại ngày 01/01/2019	Số liệu tại ngày 01/01/2019 (Đã hồi tố)	Chênh lệch
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	102.789.852	15.041.314	(87.748.538)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	460.809.739	1.052.674.789	591.865.050
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	10.427.061.253	9.747.447.665	(679.613.588)

Báo cáo kết quả kinh doanh	Mã số	Số liệu năm 2018	Số liệu năm 2018 (Đã hồi tố)	Chênh lệch
Chi phí khác	32	126.918.536	194.091.242	67.172.706
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	7.470.698.005	7.403.525.299	(67.172.706)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	1.481.661.353	1.814.576.267	332.914.914
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	5.989.036.652	5.588.949.032	(400.087.620)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	61	5.186.643.553	4.786.555.933	(400.087.620)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	1.272	1.173	(99)
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	1.272	1.173	(99)

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	Mã số	Số liệu năm 2018	Số liệu năm 2018 (Đã hồi tố)	Chênh lệch
Lợi nhuận trước thuế	01	7.470.698.005	7.403.525.299	(67.172.706)
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(2.863.015.904)	(2.862.524.468)	491.436
Tăng, giảm các khoản phải trả	11	1.313.252.514	1.379.933.784	66.681.270

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Năm 2019

Bảng cân đối kế toán	Mã số	Số liệu tại ngày 01/01/2020	Số liệu tại ngày	Chênh lệch
			01/01/2020 (Đã hồi tố)	
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	262.002.805	40.885.264	(221.117.541)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	328.700.208	850.241.671	521.541.463
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	5.496.043.467	4.753.384.463	(742.659.004)

Báo cáo kết quả kinh doanh	Mã số	Số liệu năm 2019	Số liệu	Chênh lệch
			năm 2019 (Đã hồi tố)	
Chi phí khác	32	200.683.914	213.620.274	12.936.360
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	5.967.175.766	5.954.239.406	(12.936.360)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	974.703.880	1.024.812.935	50.109.055
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	4.992.471.886	4.929.426.471	(63.045.415)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	61	3.857.225.359	3.794.179.944	(63.045.415)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	954	938	(16)
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	954	938	(16)

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	Mã số	Số liệu năm 2019	Số liệu	Chênh lệch
			năm 2019 (Đã hồi tố)	
Lợi nhuận trước thuế	01	5.967.175.766	5.954.239.406	(12.936.360)
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	7.133.935.632	7.136.364.423	2.428.791
Tăng, giảm các khoản phải trả	11	10.346.885	20.854.454	10.507.569

Năm 2020

Bảng cân đối kế toán	Mã số	Số liệu tại ngày 01/01/2021	Số liệu tại ngày	Chênh lệch
			01/01/2021 (Đã hồi tố)	
Thuế GTGT được khấu trừ	152	243.330.403	153.153.074	(90.177.329)
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	174.129.053	16.254.834	(157.874.219)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	187.548.805	682.156.261	494.607.456
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	8.827.488.286	8.084.829.282	(742.659.004)

Năm 2021

Bảng cân đối kế toán	Mã số	Số liệu tại ngày 01/01/2022	Số liệu tại ngày	Chênh lệch
			01/01/2022 (Đã hồi tố)	
Thuế GTGT được khấu trừ	152	99.622.057	9.444.728	(90.177.329)
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	246.433.593	32.286.217	(214.147.376)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	334.220.461	772.554.760	438.334.299
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	6.537.552.142	5.794.893.138	(742.659.004)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

6. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2022	01/01/2022
Tiền mặt	665.388.317	384.437.320
Tiền gửi ngân hàng	3.917.538.163	9.320.701.110
Cộng	4.582.926.480	9.705.138.430

7. Các khoản đầu tư tài chính

a. Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2022			01/01/2022		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
- Chứng khoán kinh doanh	2.211.196.821	1.006.973.250	1.204.223.571	4.229.511.016	5.160.658.000	74.866.574
+ Công ty CP Bàn đồ và Tranh ảnh Giáo dục (ECI)	-	-	-	3.044.031.947	4.013.520.000	-
+ Công ty CP sách GD TP Hà Nội (EBS)	95.578	93.000	2.578	95.578	112.000	-
+ Công ty CP Sông Đà 4 (SD4)	36.365.340	8.400.000	27.965.340	36.365.340	25.800.000	10.565.340
+ Công ty CP Xây dựng điện VNECO 8 (VE8)	992.861.234	420.480.000	572.381.234	992.861.234	928.560.000	64.301.234
+ Công ty CP Tập đoàn FLC (FLC)	516.670	500.250	16.420	516.670	1.566.000	-
+ Công ty CP Đầu tư Phát triển nhà HUD2 (HD2)	-	-	-	155.640.248	191.100.000	-
+ Tổng công ty chăn nuôi Việt Nam (VLC)	1.181.358.000	577.500.000	603.858.000	-	-	-
Cộng	2.211.196.821	1.006.973.250	1.204.223.571	4.229.511.016	5.160.658.000	74.866.574

Biến động trong năm

	Tăng trong năm		Giảm trong năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Tổng giá trị cổ phiếu	37.500	1.181.358.000	257.100	3.199.672.195
+ Công ty CP Bàn đồ và Tranh ảnh Giáo dục (ECI)	-	-	238.900	3.044.031.947
+ Công ty CP Đầu tư Phát triển nhà HUD2 (HD2)	-	-	18.200	155.640.248
+ Tổng công ty chăn nuôi Việt Nam (VLC)	37.500	1.181.358.000	-	-
Cộng	37.500	1.181.358.000	257.100	3.199.672.195

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

b. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	31/12/2022		01/01/2022	
	Tỷ lệ vốn	Số lượng cổ phiếu	Giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu
Tình hình hoạt động				
Đang hoạt động	25%	500.000	6.033.303.281	5.555.934.273
Đang hoạt động	49%	245.000	2.450.000.000	500.000.000
Cộng			8.483.303.281	6.055.934.273

Công ty CP Năng lượng EBS Solar Việt Nam
Công ty CP Đầu tư Giáo dục Lê Thanh (*)

(*) Công ty CP Đầu tư Giáo dục Lê Thanh được chuyển đổi từ Công ty TNHH Tư vấn Giáo dục – Trường Mầm non Quốc tế Việt Mỹ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 1 số 1501122459 ngày 14/03/2022.

c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2022				01/01/2022					
	Tình hình hoạt động	Tỷ lệ vốn	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Dự phòng	Tỷ lệ vốn	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng
Công ty CP Đầu tư xuất bản - TBGD Việt Nam	Đang hoạt động	-	-	-	-	-	1,84%	1,84%	2.000.000.000	-
Cộng									2.000.000.000	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

8. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2022	01/01/2022
Công ty TNHH Sách - Thiết bị Giáo dục Đức Trí	350.693.527	524.653.847
Nhà sách Hoàng Sơn	419.781.608	1.553.711.536
Nhà sách Kim Ngân	1.246.592.792	1.349.249.717
Công ty TNHH Thiết bị & Đo đạc Chu Lê	551.406.522	551.406.522
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Đắc Nông	390.236.848	390.236.848
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Phú Yên	220.733.346	572.140.076
Công ty TNHH TM & DV Văn Hóa Hương Trang	-	857.757.170
Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Xuân Lộc	920.584.299	-
Nhà sách Minh Đức	-	593.134.813
Các đối tượng khác	6.205.261.793	9.742.700.719
Cộng	10.305.290.735	16.134.991.248

9. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2022	01/01/2022
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	172.865.021	250.275.347
Công ty CP Đầu tư và Công nghệ Phương Đông	36.511.182	36.511.182
Công ty TNHH Education Solutions Việt Nam	527.281.039	166.879.231
Các đối tượng khác	134.768.620	77.212.026
Cộng	871.425.862	530.877.786

Trong đó: Trả trước cho người bán là các bên liên quan

Công ty liên quan	31/12/2022	01/01/2022
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. HCM	17.719.518	17.719.518
Công ty CP Đầu tư và Phát triển GD Phương Nam	172.865.021	250.275.347
Cộng	190.584.539	267.994.865

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

10. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2022	01/01/2022
Công ty CP Đầu tư CMC (bên liên quan)	4.000.000.000	-
	4.000.000.000	-

11. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	640.847.784	-	298.273.949	-
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	75.976.552	-	910.037.828	-
Phải thu khác	192.563.559	29.000.000	32.918.085	29.000.000
Cộng	909.387.895	29.000.000	1.241.229.862	29.000.000

12. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2022	01/01/2022
Dự phòng các khoản phải thu quá hạn:		
- Từ 3 năm trở lên	1.382.518.951	929.897.095
- Từ 2 năm đến dưới 3 năm	273.165.794	273.945.161
- Từ 1 năm đến dưới 2 năm	27.551.160	25.500.000
Cộng	1.683.235.905	1.229.342.256

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

13. Hàng tồn kho

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	22.484.364	-	22.484.364	-
Chi phí SX, KD dở dang	190.533.118	-	1.013.669.195	-
Thành phẩm	2.547.105.262	-	6.516.160.606	229.470.135
Hàng hóa	36.305.294.284	409.210.772	46.149.796.194	93.991.101
Cộng	39.065.417.028	409.210.772	53.702.110.359	323.461.236

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, khó tiêu thụ tại thời điểm 31/12/2022 là 717.923.094 đồng.
- Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ vay tại thời điểm 31/12/2022.

14. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	31/12/2022	01/01/2022
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	14.715.826	2.722.506
Chi phí sửa chữa	1.250.000	-
Chi phí bảo hiểm	11.741.904	13.298.743
Cộng	27.707.730	16.021.249

b. Dài hạn

	31/12/2022	01/01/2022
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	192.137.731	253.961.467
Chi phí thi công sửa chữa	11.467.380	27.759.575
Tiền thuê đất trả trước dài hạn (*)	5.666.444.840	5.792.365.832
Chi phí trả trước dài hạn khác	3.375.000	-
Cộng	5.873.424.951	6.074.086.874

(*) Công ty CP Sách và Thiết bị Vĩnh Long thuê đất của Ủy ban Nhân dân tỉnh Vĩnh Long theo hợp đồng thuê đất số 02 ngày 15/01/2018. Thời gian thuê 50 năm kể từ ngày 22/12/2017 đến ngày 22/12/2067, diện tích đất thuê là 611,2 m² thuộc thửa 372, tờ bản đồ 16 tại phường 1, Thành phố Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long. Theo đó Công ty đã thanh toán tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê là 50 năm với số tiền 6.264.188.800 đồng. Mục đích sử dụng đất thuê: Thương mại, dịch vụ (TMD).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

15. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

	Đầu năm		Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	Cuối năm	
	Phải thu/Còn được khấu trừ	Phải nộp			Phải thu	Phải nộp
Thuế GTGT	9.444.728	73.042.524	1.224.723.638	1.142.672.683	7.972.355	153.621.106
Thuế TNDN	-	561.753.870	984.469.810	1.034.880.312	-	511.343.368
Thuế TNCN	5.766.809	13.981.865	268.251.962	273.650.305	2.405.231	5.221.944
Tiền thuê nhà, thuê đất	26.519.408	-	405.447.041	378.927.633	-	-
Các loại thuế khác	-	-	35.301.438	35.301.438	-	-
Phí và lệ phí	-	123.776.501	308.878.439	35.855.825	-	396.799.115
Cộng	41.730.945	772.554.760	3.227.072.328	2.901.288.196	10.377.586	1.066.985.533

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

16. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	22.558.211.220	346.654.620	5.247.269.350	769.285.184	157.704.488	29.079.124.862
Mua sắm trong năm	-	55.373.950	-	-	-	55.373.950
Giảm trong năm	-	-	288.345.517	-	-	288.345.517
Chuyển sang BĐSĐT	12.292.528.563	-	-	-	-	12.292.528.563
Số cuối năm	10.265.682.657	402.028.570	4.958.923.833	769.285.184	157.704.488	16.553.624.732
Khấu hao						
Số đầu năm	6.684.037.835	132.510.444	2.576.029.933	139.877.020	157.704.488	9.690.159.720
Khấu hao trong năm	376.219.458	46.156.281	321.270.864	69.046.524	-	812.693.127
Giảm trong năm	-	-	288.345.517	-	-	288.345.517
Chuyển sang BĐSĐT	248.615.304	-	-	-	-	248.615.304
Số cuối năm	6.811.641.989	178.666.725	2.608.955.280	208.923.544	157.704.488	9.965.892.026
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	15.874.173.385	214.144.176	2.671.239.417	629.408.164	-	19.388.965.142
Số cuối năm	3.454.040.668	223.361.845	2.349.968.553	560.361.640	-	6.587.732.706

- Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2022 là 4.761.775.177 đồng.
- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm nợ vay tại ngày 31/12/2022 là 1.662.164.584 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

17. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất không thời hạn (*)	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	6.468.156.872	77.700.000	6.545.856.872
Tăng trong năm	-	50.000.000	50.000.000
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	6.468.156.872	127.700.000	6.595.856.872
Khấu hao			
Số đầu năm	-	77.700.000	77.700.000
Khấu hao trong năm	-	9.722.223	9.722.223
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	-	87.422.223	87.422.223
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	6.468.156.872	-	6.468.156.872
Số cuối năm	6.468.156.872	40.277.777	6.508.434.649

(*) Quyền sử dụng đất lâu dài tại số nhà 363 Hưng Phú, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh với diện tích 151,2 m². Mục đích sử dụng: Dùng để xây dựng văn phòng làm việc Công ty.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2022 là 77.700.000 đồng.

18. Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Cơ sở hạ tầng	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	-	-	-
Chuyển sang từ TSCĐ trong năm	11.684.919.334	607.609.229	12.292.528.563
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	11.684.919.334	607.609.229	12.292.528.563
Khấu hao lũy kế			
Số đầu năm	-	-	-
Chuyển sang từ TSCĐ trong năm	248.615.304	-	248.615.304
Khấu hao trong năm	248.615.304	40.507.284	289.122.588
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	497.230.608	40.507.284	537.737.892
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	-	-	-
Số cuối năm	11.187.688.726	567.101.945	11.754.790.671

- Giá trị còn lại của bất động sản đầu tư dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm nợ vay tại 31/12/2022 là 11.754.790.671 đồng.
- Không có bất động sản đầu tư đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2022.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

19. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2022	01/01/2022
Công ty CP Đầu tư Xuất bản - TBGD Việt Nam - Chi nhánh tại TP.HCM	3.336.780.503	6.335.613.765
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	1.081.364.837	1.642.946.038
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	2.094.903.758	4.408.226.424
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	802.764.915	4.211.062.035
Công ty Cổ phần sách và thiết bị giáo dục Miền Nam	7.770.544.717	7.033.643.770
Các đối tượng khác	4.611.825.402	5.070.919.991
Cộng	19.698.184.132	28.702.412.023

Trong đó: Phải trả người bán là các bên có liên quan

Công ty liên quan	31/12/2022	01/01/2022
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	2.094.903.758	4.408.226.424
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	7.770.544.717	7.033.643.759
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	1.081.364.837	1.642.946.038
Cộng	10.946.813.312	13.084.816.221

20. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2022	01/01/2022
Phòng Giáo dục và Đào tạo Huyện Long Khánh	4.060.313	2.080.804.551
Phòng Giáo dục và Đào tạo Xuân Lộc	-	1.802.159.516
Phòng giáo dục và đào tạo huyện Long Thành	16.335.108	611.967.308
Trạm phát hành Định Quán	-	1.813.954.243
Bà Ngọc Trúc	813.766.565	-
Phòng Giáo dục và Đào tạo Cẩm Mỹ	789.891.379	-
Các đối tượng khác	757.095.770	3.757.035.339
Cộng	2.381.149.135	10.065.920.957

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

21. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2022	01/01/2022
Chi phí bàn thảo, biên tập	249.481.000	249.481.000
Chi phí hoa hồng môi giới	23.244.825	755.226.765
Chi phí phải trả về tiền chiết khấu bán hàng	9.000.000	-
Chi phí tiền vận chuyển	182.400.000	-
Chi phí phải trả lãi vay	15.858.808	16.099.762
Chi phí khác	174.656.000	65.000.000
Cộng	654.640.633	1.085.807.527

22. Phải trả ngắn hạn khác

a. Ngắn hạn

	31/12/2022	01/01/2022
Kinh phí công đoàn	4.024.064	1.057.688
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	-	-
Cổ tức phải trả	441.944.600	2.203.500
Tài sản thừa chờ xử lý	2.991.404	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	43.000.000	43.000.000
Thù lao phải trả cho HĐQT	134.000.000	19.950.000
Phải trả khác	117.323.103	146.946.232
Cộng	743.283.171	213.157.420

b. Dài hạn

	31/12/2022	01/01/2022
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	-	20.000.000
Cộng	-	20.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

23. Vay và nợ thuê tài chính

a. Ngắn hạn

	Đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Cuối năm
Vay ngắn hạn	6.305.501.600	25.323.283.000	28.430.317.600	3.198.467.000
- Ngân hàng TMCP Công thương - CN Đồng Nai	2.000.000.000	-	2.000.000.000	-
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương - CN Vĩnh Long	3.305.501.600	19.973.283.000	20.230.317.600	3.048.467.000
- Công ty CP Đầu tư CMC (bên liên quan) (*)	1.000.000.000	5.200.000.000	6.200.000.000	-
- Ông Lê Thanh Nhã	-	150.000.000	-	150.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	1.013.490.912	1.013.490.912	1.013.490.912	1.013.490.912
- Ngân hàng TMCP Công thương - CN Vĩnh Long	30.000.000	30.000.000	30.000.000	30.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương - CN Vĩnh Long	983.490.912	983.490.912	983.490.912	983.490.912
Cộng	7.318.992.512	26.336.773.912	29.443.808.512	4.211.957.912

(*) Vay theo Hợp đồng vay vốn số 01/HĐVV-CMC-SVL ngày 02/03/2022 và Hợp đồng vay vốn số 02/HĐVV-CMC-SVL ngày 07/04/2022, tổng số tiền 5.200.000.000 đồng, lãi suất 8,0%/năm, thời hạn vay là 3 tháng.

b. Dài hạn

	Đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Cuối năm
Vay dài hạn	9.880.354.544	-	1.013.490.912	8.866.863.632
- Ngân hàng TMCP Công thương - CN Vĩnh Long (*)	72.500.000	-	30.000.000	42.500.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương - CN Vĩnh Long (**)	9.807.854.544	-	983.490.912	8.824.363.632
Cộng	9.880.354.544	-	1.013.490.912	8.866.863.632
Trong đó:				
- Vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 1 năm	1.013.490.912			1.013.490.912
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	8.866.863.632			7.853.372.720

(*) Vay dài hạn ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Vĩnh Long theo Hợp đồng cho vay số 49.15/2019-HĐCVTL ngày 25/04/2019 với thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, hạn mức vay là 150.000.000 đồng được đảm bảo từ tài sản gắn liền với đất hình thành từ vốn vay. Lãi

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

suất vay tại thời điểm ký hợp đồng là 9%/năm và được điều chỉnh 01 tháng một lần. Mục đích sử dụng tiền vay là để thanh toán tiền mua xe tải phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

(**) Vay dài hạn ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Vĩnh Long theo các hợp đồng:

- Hợp đồng tín dụng số 238/HĐTD-VLO.KH ngày 04/06/2020 với thời hạn vay là 60 tháng kể từ Ngày Giải ngân đầu tiên, hạn mức vay là 374.000.000 đồng được đảm bảo từ tài sản hình thành từ vốn vay. Lãi suất vay tại thời điểm ký hợp đồng là 9%/năm, cố định trong 2 năm và được điều chỉnh cụ thể cho từng giấy nhận nợ sau đó. Mục đích sử dụng tiền vay là để thanh toán tiền mua xe ô tô 7 chỗ phục vụ hoạt động quản lý.
- Hợp đồng tín dụng số 295/HĐTD-VLO.KH ngày 15/06/2020 với thời hạn vay là 144 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, hạn mức vay là 10.000.000.000 đồng được đảm bảo từ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất hình thành từ vốn vay. Lãi suất vay tại thời điểm ký hợp đồng là 9,5%/năm, cố định trong 2 năm và được điều chỉnh 03 tháng một lần sau thời gian đó. Mục đích sử dụng tiền vay là để thanh toán các chi phí xây dựng hình thành tài sản phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

24. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư tại 01/01/2021	41.370.000.000	2.248.359.370	(679.873.904)	5.154.838.802	8.084.829.282
Tăng trong năm	-	-	-	34.234.775	1.787.298.631
Giảm trong năm	-	-	-	-	4.077.234.775
Số dư tại 31/12/2021	41.370.000.000	2.248.359.370	(679.873.904)	5.189.073.577	5.794.893.138
Số dư tại 01/01/2022	41.370.000.000	2.248.359.370	(679.873.904)	5.189.073.577	5.794.893.138
Điều chỉnh hợp nhất	-	1.049.286	-	1.302.208	(8.542.262)
Tăng trong năm	-	-	-	-	159.298.933
Giảm trong năm	-	-	-	-	4.043.000.000
Số dư tại 31/12/2022	41.370.000.000	2.249.408.656	(679.873.904)	5.190.375.785	1.902.649.809

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2022	01/01/2022
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	6.320.000.000	6.320.000.000
Cổ đông khác	34.110.000.000	34.110.000.000
Mệnh giá cổ phiếu quỹ	940.000.000	940.000.000
Cộng	41.370.000.000	41.370.000.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

c. Cổ phiếu

	31/12/2022	01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.137.000	4.137.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.137.000	4.137.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.137.000	4.137.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	94.000	94.000
- Cổ phiếu phổ thông	94.000	94.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.043.000	4.043.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.043.000	4.043.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND	-	-

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2022	Năm 2021
Lợi nhuận chưa phân phối năm trước chuyển sang	5.794.893.138	8.084.829.282
Điều chỉnh do hợp nhất	(8.542.262)	-
Lợi nhuận sau thuế năm này	159.298.933	1.787.298.631
Tăng khác	-	-
Phân phối lợi nhuận năm trước	4.043.000.000	4.077.234.775
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	34.234.775
- Trả cổ tức cho các cổ đông	4.043.000.000	4.043.000.000
Phân phối lợi nhuận năm này	-	-
Lợi nhuận chưa phân phối cuối kỳ	1.902.649.809	5.794.893.138

25. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2022	Năm 2021
Doanh thu bán hàng hóa	211.065.988.324	150.809.558.371
Doanh thu dịch vụ	1.090.909.092	315.000.003
Doanh thu khác	645.838.756	333.788.225
Cộng	212.802.736.172	151.458.346.599

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

26. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2022	Năm 2021
Hàng bán bị trả lại	15.028.063	788.691.460
Chiết khấu thương mại	1.580.717.096	955.282.317
	<u>1.595.745.159</u>	<u>1.743.973.777</u>

27. Giá vốn hàng bán

	Năm 2022	Năm 2021
Giá vốn của hàng hóa	193.337.075.375	133.564.755.405
Giá vốn hoạt động khác	1.118.409.967	129.655.375
Trích lập/ (Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	85.749.536	(274.384.041)
Cộng	<u>194.541.234.878</u>	<u>133.420.026.739</u>

28. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2022	Năm 2021
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	389.694.127	488.182.158
Cổ tức	904.748.500	404.178.000
Chiết khấu thanh toán nhanh	651.231.584	553.350.868
Lãi từ bán chứng khoán kinh doanh	1.129.823.065	247.065.700
Lợi nhuận từ hoạt động hợp tác kinh doanh	138.000.000	78.200.000
Cộng	<u>3.213.497.276</u>	<u>1.770.976.726</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

29. Chi phí tài chính

	Năm 2022	Năm 2021
Trích lập / (Hoàn nhập) dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính	1.129.356.997	(780.639.763)
Chi phí lãi vay	1.736.017.237	1.509.247.129
Chiết khấu thanh toán nhanh	62.027.946	-
Cộng	2.927.402.180	728.607.366

30. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm

	Năm 2022	Năm 2021
Tiền lương, các khoản trích theo lương	4.537.121.715	4.503.636.722
Chi phí vận chuyển	884.613.461	1.246.885.267
Hoa hồng môi giới, phí phát hành	(296.539.414)	261.616.555
Các khoản khác	2.281.910.523	3.020.279.066
Cộng	7.407.106.285	9.032.417.610

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm

	Năm 2022	Năm 2021
Tiền lương, các khoản trích theo lương	1.485.535.483	3.571.416.695
Khấu hao TSCĐ	552.133.323	528.440.509
Chi phí tiếp khách, hội nghị, khánh tiết	82.282.773	269.548.113
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng nợ phải thu khó đòi	453.893.649	105.521.433
Các khoản khác	4.798.068.720	2.183.036.927
Cộng	7.371.913.948	6.657.963.677

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

31. Thu nhập khác

	Năm 2022	Năm 2021
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	120.000.000	45.454.545
Thu nhập khác	297.311.734	668.727.198
Cộng	417.311.734	714.181.743

32. Chi phí khác

	Năm 2022	Năm 2021
Chi thù lao HĐQT và BKS không trực tiếp điều hành	41.310.000	-
Phạt chậm nộp, vi phạm hành chính thuế	346.536.178	793.442
Các khoản khác	276.116.963	114.552.449
Cộng	663.963.141	115.345.891

33. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2022	Năm 2021
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.403.548.599	2.823.942.167
Các khoản điều chỉnh để xác định LN chịu thuế TNDN	294.480.760	7.401.713
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.199.229.260	411.579.713
+ Thù lao HĐQT không trực tiếp tham gia điều hành	149.310.000	130.000.000
+ Chi phí lãi vay không được trừ	640.110.729	704.849.193
+ Lợi thế thương mại phân bổ	131.873.361	131.873.361
+ Phạt chậm nộp, vi phạm hành chính thuế	346.536.178	791.432
+ Lỗ/(lãi) tại Công ty liên doanh, liên kết	(477.369.008)	(578.772.159)
+ Hoàn nhập dự phòng tại công ty liên kết		22.837.886
+ Chi phí không được trừ khác	408.768.000	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	904.748.500	404.178.000
+ Cổ tức được chia	904.748.500	404.178.000
Tổng thu nhập chịu thuế	2.698.029.359	2.831.343.880
- Lỗ tính thuế	(2.224.319.693)	-
- Lãi tính thuế	4.922.349.052	2.831.343.880
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	984.469.810	455.259.995

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

34. Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2022	Năm 2021
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	159.298.933	1.787.298.631
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán	-	-
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	159.298.933	1.787.298.631
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	4.043.000	4.043.000
Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu	39	442

35. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2022	Năm 2021
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	337.190.864	267.899.884
Chi phí nhân công	6.028.475.378	8.075.053.417
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.111.537.938	999.403.625
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.867.350.858	2.434.450.435
Chi phí khác bằng tiền	5.143.638.953	3.796.106.068
Cộng	14.488.193.991	15.572.913.429

36. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Chủ tịch Hội đồng quản trị đánh giá rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chủ yếu là xuất bản, kinh doanh sách và thiết bị giáo dục và bộ phận địa lý chính là nước Việt Nam.

37. Quản lý rủi ro

Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về tỷ giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về giá.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua hàng hóa, nguyên liệu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc biến động giá. Tuy nhiên, nhà cung cấp là các Công ty thành viên của Nhà xuất bản và đặc thù của lĩnh vực giáo dục là giá mua vào ổn định, ít biến động. Do đó, Công ty cho rằng rủi ro về giá hàng hóa trong hoạt động sản xuất kinh doanh là ở mức thấp.

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng của Công ty bao gồm các Công ty trong hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam và các đại lý, Sở giáo dục, trường học..., các Công ty không nằm trong hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam:

- Đối với khách hàng là các Công ty trong hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam. Đây là các khách hàng truyền thống thanh toán tiền hàng kịp thời, do đó Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng.
- Đối với khách hàng là các đại lý, Sở Giáo dục, trường học, các Công ty không thuộc hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam: Công ty có quy định chặt chẽ về điều khoản thanh toán trong hợp đồng mua bán, theo đó quy định hạn mức nợ tối đa cho phép của khách hàng. Chủ tịch HĐQT Công ty cho rằng với chính sách về tín dụng được quy định cụ thể như vậy sẽ giảm thiểu được rủi ro tín dụng trọng yếu với các khách hàng này.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

Chủ tịch HĐQT cho rằng Công ty có rủi ro thanh khoản. Tuy nhiên, Chủ tịch HĐQT tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

31/12/2022	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và khoản tương đương tiền	4.582.926.480	-	4.582.926.480
Phải thu khách hàng	8.651.054.830	-	8.651.054.830
Phải thu về cho vay	4.000.000.000	-	4.000.000.000
Đầu tư tài chính	1.006.973.250	-	1.006.973.250
Phải thu khác	239.540.111	-	239.540.111
Cộng	18.480.494.671	-	18.480.494.671
01/01/2022	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và khoản tương đương tiền	9.705.138.430	-	9.705.138.430
Phải thu khách hàng	14.934.648.992	-	14.934.648.992
Phải thu về cho vay	-	-	-
Đầu tư tài chính	4.154.644.442	2.000.000.000	6.154.644.442
Phải thu khác	913.955.913	-	913.955.913
Cộng	29.708.387.777	2.000.000.000	31.708.387.777

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

38. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

Công ty liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV NXBGD Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Nhà xuất bản Giáo dục") Nhà xuất bản Giáo dục tại TP. Hà Nội Nhà xuất bản Giáo dục tại TP. Đà Nẵng Nhà xuất bản Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh Nhà xuất bản Giáo dục tại TP. Cần Thơ Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội Công ty CP Đầu tư CMC Công ty CP Điện nhẹ Viễn Thông Công ty CP Năng lượng EBS Solar Việt Nam	Công ty đầu tư Đơn vị trực thuộc của công ty đầu tư Đơn vị trực thuộc của công ty đầu tư Đơn vị trực thuộc của công ty đầu tư Đơn vị trực thuộc của công ty đầu tư Chung nhà đầu tư Chung nhà đầu tư Chung thành viên quản lý chủ chốt Chung thành viên quản lý chủ chốt Chung thành viên quản lý chủ chốt Công ty liên doanh, liên kết

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong năm

Công ty liên quan	Năm 2022	Năm 2021
Bán hàng		
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	43.625.600	163.277.724
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	87.579.247	28.126.277
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	-	309.728.806
Mua hàng		
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	46.511.108.095	35.388.202.919
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	80.646.281.121	56.691.069.547
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	753.106.080	1.843.327.060
Cho vay		
Công ty CP Đầu tư CMC	4.000.000.000	-
Thu hồi tiền cho vay		
Công ty CP Đầu tư CMC	-	7.450.000.000
Vay		
Công ty CP Đầu tư CMC	5.200.000.000	4.000.000.000
Trả tiền vay		
Công ty CP Đầu tư CMC	6.200.000.000	-
Cổ tức được chia		
Công ty CP Năng lượng EBS Solar Việt Nam	500.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

c. Thù lao, lương thưởng của cấp quản lý chủ chốt

	Chức vụ	Nội dung	Năm 2022	Năm 2021
Ngô Trọng Vinh	Chủ tịch HĐQT	Thù lao	84.700.000	33.000.000
Nguyễn Trọng Hà	Ủy viên	Lương, thưởng	299.179.491	279.098.000
Lâm Quỳnh Hương	Ủy viên	Thù lao	11.000.000	9.000.000
Ngô Anh Phương	Ủy viên	Thù lao	11.000.000	9.000.000
Lê Thị Tuyết Minh	Ủy viên	Thù lao	11.000.000	21.000.000
Nguyễn Ái Bình	Phó Tổng Giám đốc	Thù lao	11.000.000	9.000.000
Mai Hồng Hạnh	Phó Tổng Giám đốc	Lương, thưởng	14.513.000	153.356.000
Nguyễn Thị Lan Phương	Kế toán trưởng (Miễn nhiệm ngày 25/04/2022)	Lương, thưởng	56.404.000	-
Nguyễn Thị Tuyết	Kế toán trưởng (Bỏ nhiệm ngày 16/05/2022)	Lương, thưởng	78.238.000	267.261.000
Ngô Thị Thanh Huyền	Trưởng Ban kiểm soát	Thù lao	128.084.350	-
Nguyễn Thị Ánh Hồng	Ủy viên Ban kiểm soát	Thù lao	7.700.000	5.280.000
Đỗ Thị Phương Thảo	Ủy viên Ban kiểm soát	Thù lao	5.500.000	2.640.000
			5.500.000	2.640.000

39. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

40. Số liệu so sánh

Là số liệu trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi AAC.



Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ngô Trọng Vinh

Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 03 năm 2023

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Tuyết

Người lập biểu

Nguyễn Thị Tuyết